

# Tiếp cận song ngữ trong dạy và học ngoại ngữ

• PGS.TS. NGUYỄN LỘC

*Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam*

## I. Đặt vấn đề

Kinh nghiệm của các nước trên thế giới đều khẳng định vai trò quan trọng của tiếp cận song ngữ trong việc nâng cao mạnh mẽ hiệu quả của dạy học ngoại ngữ. Hơn nữa dạy học song ngữ đã trở thành một trong những xu thế dạy và học ngoại ngữ chủ đạo của các nước trên thế giới trong thế kỷ 21 (Graddol D., 2006). Gần đây, trong các nội dung chiến lược Đề án dạy và học ngoại ngữ trong Hệ thống giáo dục quốc dân 2008-2020 mới được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt có đặc biệt nhấn mạnh đến tính cấp thiết của việc áp dụng tiếp cận song ngữ trong dạy và học ngoại ngữ (Quyết định số: 1400/QĐ-TTg, 2008). Tuy nhiên, ở Việt Nam tiếp cận song ngữ, đặc biệt đối với dạy và học ngoại ngữ hầu như chưa được nghiên cứu. Bài báo này có mục đích làm sáng tỏ một số vấn đề cơ bản đến cách tiếp cận mới mẻ này trong dạy và học ngoại ngữ.

## II. Khái niệm về song ngữ

Xét về xuất xứ gốc thì song ngữ là một hiện tượng phổ biến trong các quốc gia đa dân tộc. Có nhiều cách hiểu về song ngữ, phổ biến hơn cả là hiện tượng một cộng đồng sử dụng luân phiên hai (hoặc nhiều ngôn ngữ) trong giao tiếp<sup>1</sup>. Mỗi người trong cộng đồng ấy là cá nhân song ngữ và cộng đồng những cá nhân đó là cộng đồng song ngữ.

*Giáo dục song ngữ* (bilingual education) hiểu theo nghĩa chung nhất là sử dụng hai hoặc hơn hai ngôn ngữ trong học tập. Giáo dục song ngữ là dạy tất cả các môn học ở trường bằng hai ngôn ngữ khác nhau. Tuy nhiên, ngày nay giáo dục song ngữ được sử dụng với nhiều nghĩa rất khác nhau, là một tên gọi đơn giản của một hiện tượng phức tạp. Đặc điểm cơ bản của những khác nhau đó là sự khác biệt của nhu cầu giáo dục với mục đích phát huy hai ngôn ngữ hay là giáo dục đơn ngữ cho học sinh thuộc nhóm cộng đồng thiểu số hoặc học ngôn ngữ thứ hai.

Mackey (1970) là người đầu tiên đưa ra sự phân loại giáo dục song ngữ. Theo phân loại này có tới 90 hình thức giáo dục song ngữ khác nhau: ngôn ngữ ở nhà, ngôn ngữ trong chương trình, ngôn ngữ cộng đồng theo địa điểm của nhà trường, hiện trạng ngôn ngữ vùng và ngôn ngữ quốc tế, v.v...

Ở Hoa Kỳ, giáo dục song ngữ được hiểu như việc dạy học được tiến hành thông qua tiếng Anh và một số ngôn ngữ thiểu số khác như tiếng Tây Ban Nha hoặc tiếng Trung Quốc, v.v... với thời lượng sử dụng khác nhau. Người ta đã hệ thống hóa một số dạng giáo dục song ngữ đặc trưng như sau đối với Hoa Kỳ - một quốc gia song ngữ điển hình:

\* *Giáo dục song ngữ chuyển tiếp (transitional)* là giáo dục bằng ngôn ngữ mẹ đẻ của học sinh, thường là không kéo dài quá ba năm. Mục đích của dạng giáo dục song ngữ này là bảo đảm cho học sinh không tụt hậu trong việc học các môn học như Toán, Khoa học và Xã hội trong khi các em còn chưa thạo tiếng Anh. Dạy học song ngữ ở đây nhằm giúp học sinh chuyển tiếp sang xu hướng chủ đạo là hòa nhập học càng nhanh càng tốt trong các lớp học, nơi tiếng Anh được dùng để giảng dạy. Và mục tiêu cuối cùng của giáo dục song ngữ ở đây là thành thạo tiếng Anh nhưng vẫn đạt kết quả cao trong việc học các môn học khác. Ở Hoa Kỳ dạng song ngữ chuyển tiếp là phổ biến hơn cả.

\* *Giáo dục song ngữ hai chiều (two-way)* hay là *kép (dual)* là các chương trình được áp dụng nhằm giúp các học sinh nói tiếng Anh bản ngữ và không bản ngữ có thể sử dụng hai hoặc nhiều ngôn ngữ. Ở Hoa Kỳ, ý tưởng chính của các chương trình này tạo nên những lớp học mà ở đó có một nửa học sinh nói tiếng Anh bản ngữ và một nửa là học sinh có tiếng mẹ đẻ là ngôn ngữ thiểu số như tiếng Tây Ban Nha, Pháp... Các chương trình này không được phổ biến rộng

1 Để ngắn gọn, trong bài này thuật ngữ "song ngữ" còn có thể bao gồm ý nghĩa "đa ngữ".

ở các trường học Hoa Kỳ, dù nghiên cứu chỉ ra các chương trình này giúp học sinh học và sử dụng hết sức hiệu quả tiếng Anh ở trường. (Trung tâm ứng dụng ngôn ngữ, 2005; Thomas & Collier, 1997; Lindholm - Leary, 2000).

\* Một trong những hình thức giáo dục song ngữ hiệu quả nhất là chương trình ngôn ngữ kép (dual) mà học sinh có thể học theo hai cách khác nhau:

- o Đối với các học sinh mà tiếng Anh không phải là tiếng mẹ đẻ thì nhiều môn học ở trường vẫn được dạy bằng tiếng Anh. Song giáo viên dạy là những người được đào tạo chuyên biệt (biết ngôn ngữ mẹ đẻ của học sinh) để hiểu các câu hỏi bằng ngôn ngữ mẹ đẻ của những học sinh này, nhưng giáo viên luôn trả lời bằng tiếng Anh;
- o Các lớp học ngôn ngữ mẹ đẻ nâng cao kĩ năng viết và các kĩ năng ngôn ngữ mẹ đẻ cấp độ cao của học sinh. Nghiên cứu cho thấy nhiều kĩ năng hình thành trong ngôn ngữ mẹ đẻ dễ dàng chuyển sang ngôn ngữ thứ hai (tiếng Anh). Trong hình thức này, các lớp ngôn ngữ mẹ đẻ không dạy các môn học ở trường. Các lớp dạy tiếng Anh chủ yếu dựa vào nội dung (content-based) hơn là ngữ pháp (grammar-based), nhờ vậy học sinh học tất cả các môn học ở trường bằng ngôn ngữ thứ hai (tiếng Anh).

\* *Giáo dục song ngữ phát triển* là dạy bằng ngôn ngữ mẹ đẻ của học sinh trong thời gian kéo dài kèm theo việc với dạy bằng tiếng Anh. Mục đích của loại giáo dục song ngữ này là thành thạo hai hoặc nhiều ngôn ngữ đồng thời. Chương trình này được áp dụng đối với những học sinh mà tiếng mẹ đẻ không phải là tiếng Anh, và ít phổ biến hơn chương trình chuyển tiếp nêu trên.

### III. Giáo dục song ngữ trên thế giới

*Úc:* Giáo dục song ngữ ở Úc chủ yếu được thực hiện thông qua một số trường dạy song ngữ dành cho học sinh có tiếng mẹ đẻ không phải là tiếng Anh. Các chương trình này hiện nay được

đánh giá là có hiệu quả và bắt đầu được Chính phủ quan tâm nhiều hơn. Thổ dân ở Úc cũng là một đối tượng quan trọng của giáo dục song ngữ. Mục tiêu chính của các chương trình giáo dục song ngữ ở Úc là tạo điều kiện hòa nhập về tiếng Anh cho các cộng đồng dân tộc thiểu số.

*Canada:* Ở Canada, giáo dục do chính quyền địa phương chịu trách nhiệm. Tuy nhiên, chính quyền liên bang ủng hộ mạnh mẽ để Canada trở thành một quốc gia song ngữ và có những hỗ trợ đầu tiên cho các chương trình tiếng Pháp "nhúng chìm" (immersion programs) trong hệ thống giáo dục công của Canada. Học sinh trong các chương trình này tiến hành học bằng tiếng Pháp ngay bắt đầu từ mẫu giáo hoặc lớp 1. Các chương trình tiếng Anh bình thường cung cấp tiếng Pháp cốt lõi ở các lớp học tiếp theo, thường là lớp 4. Tùy thuộc vào chính quyền địa phương, một số tỉnh cung cấp các chương trình tiếng Pháp mở rộng, bắt đầu từ lớp 5 với nhiều nội dung học bằng tiếng Pháp. Theo phương pháp này học sinh học hoàn toàn bằng tiếng Pháp cho đến lớp 9 và có thể tiếp tục hết trung học phổ thông.

*Châu Âu:* Gần như tất cả các cơ sở, trường học ở châu Âu đều cho phép học sinh học bằng tiếng mẹ đẻ, đồng thời nâng cao tinh thần châu Âu bằng cách dạy ít nhất hai ngôn ngữ châu Âu khác. Ở châu Âu việc giảng dạy được thực hiện bằng 11 ngôn ngữ chính của Liên minh châu Âu<sup>2</sup>. Do mở rộng 10 thành viên năm 2004 và 2 thành viên năm 2007, các ngôn ngữ chính thức của châu Âu được tăng thêm. Vì vậy, ngôn ngữ mẹ đẻ của học sinh vẫn luôn là ngôn ngữ thứ nhất của họ trong thời gian ở trường.

Học một ngoại ngữ thứ nhất (tiếng Anh, Pháp hoặc Đức) với tư cách là ngôn ngữ thứ hai là bắt buộc ở trường từ năm đầu tiểu học đến khi tốt nghiệp phổ thông. Ở trường trung học, một số môn học được dạy bằng ngoại ngữ.

*Hồng Kông:* Ở Hồng Kông, tiếng Anh và tiếng Trung là hai ngôn ngữ chính thức và đều được dạy trong nhà trường, là môn học bắt buộc. Tiếng Anh hoặc tiếng Trung là ngôn ngữ giảng

2 Đó là các thứ tiếng: Đan Mạch, Hà Lan, Anh, Phần Lan, Pháp, Đức, Hy Lạp, Italia, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha và Thụy Điển.

dạy cho các môn học khác

**Nhật Bản:** Nhật Bản có nhu cầu lớn về song ngữ (chủ yếu là tiếng Anh và tiếng Nhật), một phụ huynh mong muốn dạy cho con mình các môn như Toán bằng tiếng Anh hơn là tiếng Nhật. Các môn như Lịch sử chỉ dạy bằng tiếng Nhật.

**Đông Nam Á:** Phương pháp song ngữ được sử dụng trong các trường phổ thông và đại học ở Đông Nam Á giữa thập kỉ 90, đặc biệt là Thái Lan và Malaysia, với nhiều mô hình áp dụng khác nhau, từ *nhúng chìm ngôn ngữ thứ hai* (ngoại ngữ) (nội dung không được dạy bằng ngôn ngữ bản địa) đến nhúng chìm song song với các môn chính được dạy bằng tiếng mẹ đẻ và ngôn ngữ thứ hai (thường là tiếng Anh). Chính sách của chính phủ Malaysia yêu cầu dùng hoàn toàn tiếng Anh đối với việc dạy các môn Toán, Khoa học và Công nghệ.

#### **IV. Tiếp cận song ngữ trong dạy và học ngoại ngữ**

Như tổng quan nêu trên, giáo dục song ngữ có nội hàm khá rộng, trong đó có những ý tưởng chính về việc nâng cao hiệu quả dạy và học một ngoại ngữ nào đó thông qua việc dạy một số môn học nhất định bằng chính môn học đó. Để chỉ rõ bản chất của cách tiếp cận này, gần đây người ta có xu hướng dùng các thuật ngữ khác để mô tả cách tiếp cận này. Thuật ngữ được nhiều tài liệu hay đề cập đến là *Học kết hợp nội dung và ngôn ngữ* hay là *Content and Language Integrated Learning*, được viết tắt là CLIL.

Cách tiếp cận CLIL được khởi xướng trong những năm 70 và 80 ở Canada (Eurydice, 2006). Đó là vì do các phụ huynh của các nước nói tiếng Anh sống ở Quebec<sup>3</sup> mong muốn con cái của họ thông thạo cả tiếng Pháp ở một môi trường nói tiếng Pháp. Vì vậy, họ tìm kiếm loại hình giáo dục trong một ngôn ngữ (tiếng Pháp) để có thể giúp con cái họ có được những kĩ năng ngôn ngữ quan trọng, tức là dạy các môn học trực tiếp bằng tiếng Pháp trong nhà trường. Các chương trình dạy học này đã rất thành công ở Canada. Sự hỗ trợ của phụ huynh và các nhà quản lí giáo dục là những yếu tố then chốt rõ ràng trong

thành công này. Những dự án này đã thu hút sự quan tâm nghiên cứu rất lớn, đặc biệt từ viễn cảnh dạy học.

Theo một số tài liệu khác (Graddol D., 2006) CLIL được xuất hiện từ những canh tân giáo dục ở Phần Lan vào giữa những năm 90 và được áp dụng rộng rãi ở các nước châu Âu, chủ yếu là đối với tiếng Anh.

Dù thế nào đi chăng nữa, hầu như mọi người đều cho rằng CLIL là một cách tiếp cận của giáo dục song ngữ, theo đó nội dung của một môn học nào đó, chẳng hạn như môn Toán hay là Sinh vật và Tiếng Anh được dạy cùng một lúc. Cách dạy học này khác với dạy học bằng tiếng Anh truyền thống ở chỗ học sinh không cần phải đạt đến trình độ thông thạo tiếng Anh trước khi bắt tay vào học một môn học nào đó. Do vậy, CLIL có nghĩa là dạy học một môn học thông qua một ngoại ngữ cùng được học trong suốt quá trình đó. Nhìn chung, không có một khuôn mẫu nào cho việc triển khai CLIL và thực tiễn dạy học theo tiếp cận này là hết sức đa dạng. CLIL thường được so sánh với triết lí của cái gọi là giáo dục kịp thời – JIT<sup>4</sup> learning và được coi như là phương pháp dạy học giao tiếp ở mức độ cao nhất. Ở phần lớn các nước, CLIL thường được áp dụng ở các trường trung học, khi mà các em học sinh đã có được một số kĩ năng sơ đẳng về ngoại ngữ đã học được ở tiểu học. CLIL thay đổi mối quan hệ làm việc trong nhà trường, đòi hỏi những thay đổi về văn hoá thường là không dễ áp dụng trong nhà trường. Chẳng hạn, các giáo viên Tiếng Anh cần phải hợp tác chặt chẽ với giáo viên môn học khác để đảm bảo việc dạy học ngoại ngữ được thực hiện tốt, do đó phải dành nhiều thời gian hơn để lập kế hoạch và chuẩn bị bài. Hơn nữa, các giáo viên Tiếng Anh có thể sẽ bị động hơn nhiều trong việc dạy môn Tiếng Anh, phải thực hiện nhiều hơn vai trò hỗ trợ và điều chỉnh. Vì những lý do này mà mặc dù được phát triển khá nhanh ở một số nước, song CLIL mang tính chất tự phát nhiều hơn là các chương trình có chỉ đạo từ trên xuống dưới. CLIL chỉ có thể áp dụng được khi các giáo viên môn

3 Quebec là một bang của Canada, nơi ngôn ngữ chính được dùng là tiếng Pháp.

4 Viết tắt của "Just in time" - kịp thời, đúng lúc, vừa kịp

học thông thạo ngoại ngữ được sử dụng, tiếng Anh chẳng hạn.

**V. Tiếp cận song ngữ hay CLIL ở Việt Nam**

Theo số liệu nghiên cứu gần đây<sup>5</sup> tiếp cận song ngữ hay CLIL ở Việt Nam có một số đặc điểm sau:

- \* Việc giảng dạy song ngữ đã được tiến hành ở cả 3 cấp học phổ thông;

- \* Phần lớn các trường có dạy học song ngữ là trường công lập (95%), chỉ có 5% số trường là trường ngoài công lập;

- \* Có tới 97% trong tổng số 69 trường sử dụng tiếng Pháp để giảng dạy song ngữ;

- \* Đa số các trường dạy học song ngữ qua môn Lí (68%) và Toán (71%), khoảng 20% số trường dạy qua môn Khoa học (tất cả đều ở cấp tiểu học), 2.8% số trường dạy qua môn Sinh học;

- \* 88% số trường hiện vẫn đang triển khai dạy học song ngữ;

- \* Các nguồn kinh phí để triển khai dạy học chủ yếu là từ nhà trường và sự đóng góp của phụ huynh, ở một số địa phương là do các dự án tài trợ (Xem Bảng 1).

Nếu xét riêng về tiếp cận song ngữ trong dạy và học tiếng Anh thì có thể nêu ra một số nhận xét như sau:

- \* Số trường áp dụng cách tiếp cận này hầu như không đáng kể. Ở các tỉnh, thành miền Bắc (ví dụ như Hà Nội) chủ yếu là các trường tư thục/dân lập áp dụng cách tiếp cận này do nhu cầu cũng như sức ép lớn từ phụ huynh học sinh. Ở các tỉnh, thành miền Nam (TP. HCM) thì các trường công lập cố gắng nâng cao chất lượng giảng dạy tiếng Anh dưới góc độ “tăng cường”, trong đó có bao hàm cách tiếp cận “song ngữ”;

- \* Các trường triển khai tiếp cận song ngữ một cách tự phát mà hầu như chưa có sự chỉ đạo hoặc hướng dẫn của các cơ quan quản lí và chuyên môn của ngành;

- \* Các trường tự xây dựng chương trình và lựa chọn các tài liệu trong và ngoài nước để triển khai tiếp cận song ngữ. Đa số các trường thường dạy các môn Toán bằng tiếng Anh. Họ chỉ chọn một phần, một chủ đề nào đó để dạy, chứ chưa đủ điều kiện để dạy cả môn học. Đôi khi các trường dạy lặp lại các nội dung đã được dạy bằng tiếng Việt. Chỉ có những trường quốc

Bảng 1: Số lượng trường với các loại ngoại ngữ môn học được giảng dạy

STT	Tỉnh/TP	Tổng số trường	Ngoại ngữ dùng để giảng dạy		Môn học được giảng dạy			
			Anh	Pháp	Sinh	Toán	Lý	Khoa học
1	Bến Tre	3	0	3	2	2	2	1
2	Cần Thơ	9	0	9	0	5	5	4
3	Đà Nẵng	5	0	5	0	5	3	0
4	Hà Nội	18	0	18	0	18	18	0
5	Hà Tĩnh*	1	1	1	0	0	0	0
6	Hồ Chí Minh	14	0	14	0	9	9	5
7	Khánh Hoà	4	0	4	0	1	1	0
8	Quảng Nam*	1	1	1	0	0	0	0
9	Quảng Ninh	2	0	2	0	1	1	1
10	Thừa Thiên Huế	6	0	6	0	4	4	2
11	Tiền Giang	3	0	3	0	2	2	1
12	Vĩnh Long	3	2	3	0	2	2	0
	Tổng							

\* 2 địa phương này không ghi môn học được giảng dạy song ngữ

5 Đề tài nghiên cứu “Khả năng dạy học song ngữ Anh - Việt ở nhà trường phổ thông” do tác giả làm chủ nhiệm được tiến hành năm 2008 tại 63 tỉnh/thành phố ở Việt Nam.

tế thực thụ mới áp dụng tiếp cận song ngữ cho tất cả các môn học. Có trường thậm chí dịch toàn bộ sách giáo khoa của Việt Nam ra tiếng Anh để tiến hành giảng dạy;

\* Thiếu giáo viên đủ năng lực dạy môn học bằng tiếng Anh là khó khăn chính trong việc triển khai tiếp cận song ngữ.

## VI. Kết luận

Tiếp cận song ngữ trong dạy và học ngoại ngữ là xu thế đang phát triển mạnh mẽ nhằm nâng cao hơn nữa hiệu quả của việc dạy và học ngoại ngữ, đặc biệt là tiếng Anh. Các nghiên cứu gần đây cho thấy do bản chất của tiếp cận này ngày càng có những nội dung đặc thù riêng nên đã hình thành những khái niệm mới như CLIL để phân tích sâu sắc hơn các cách thức áp dụng nó. Việt Nam đã bắt đầu nhận thức được tầm quan trọng của tiếp cận song ngữ trong việc nâng cao hiệu quả dạy và học ngoại ngữ, đặc biệt là tiếng Anh, song những khởi xướng ban đầu còn khá khiêm tốn, vì vậy, cần những nỗ lực mạnh mẽ hơn trong thời gian tới, để có thể biến năng lực tiếng Anh của thế hệ trẻ thành thế mạnh của đất nước.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chính phủ Việt Nam (2008), Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án "Dạy và học ngoại

ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2008-2020". Quyết định số: 1400/QĐ-TTg, ngày 30 tháng 9 năm 2008, .

2. Euridyce (2006), *Content and Language Integrated Learning (CLIL) at School in Europe*, European Commission.
3. Graddol D. (2006), *English Next*, British Council, London.
4. Ramírez, J. David; Yuen, Sandra D.; and Ramey, Dena R. 1991. *Final Report: Longitudinal Study of Structured Immersion Strategy, Early-Exit, and Late-Exit Transitional Bilingual Education Programs for Language-Minority Children*. San Mateo, Calif.: Aguirre International.

## SUMMARY

The purpose of the article is to explore the latest development of the so-called "bilingual" approach in the teaching and learning of foreign languages, especially English. The article then further provides insights into the concept of the Content and Language Integrated Learning (CLIL) which is becoming highly instrumental in the improvement of the modern teaching and learning English. Lastly, the article introduces some analysis of the present teaching and learning English in Vietnam from the viewpoint of "bilingual" approach and suggests some recommendations on the matter.

## SỰ VA CHẠM...

(Tiếp theo trang 20)

đại biểu của 62 tỉnh, thành đã tổ chức "Diễn đàn giáo dục toàn Liên bang lần thứ nhất tại Saint Petersburg". Họ đã soạn thảo bức thư gửi Tổng thống D.Medvedev, Thủ tướng V.Putin, Bộ trưởng Giáo dục - Khoa học A.Fursenk không để phản đối xu hướng thương mại trong chính sách giáo dục của nhà nước. Các thầy cô giáo khẳng định rằng họ muốn là nhà giáo chứ không phải thương nhân chuyên cung cấp dịch vụ giáo dục.

Chúng ta đang sống trong hai thế giới khác nhau và hệ thống giáo dục chịu tác động của cả hai loại quy chuẩn: quy chuẩn giáo dục và quy chuẩn thị trường. Điều quan trọng là không được lẫn lộn hai quy chuẩn đó. Theo các nhà kinh tế học, khi chúng ta đặt hai quy chuẩn đó trên hai

con đường riêng biệt thì cuộc sống trở nên tốt đẹp hơn. Hãy cẩn trọng như người thợ may cổ xưa, 7 lần đo một lần cắt.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. J. Donald Walter (2008), *Giáo dục vì cuộc sống*, NXB Trẻ, TP. Hồ Chí Minh
2. Dan Arieli (2009), *Phi lý trí*, NXB Lao động xã hội, Hà Nội.
3. Steven D.Levitt - Stephen J.Dubner (2007), *Kinh tế học hài hước*, NXB Tri thức Hà Nội.
4. Liner Twist (2009), *Linh hồn của tiền*, NXB Hà Nội.
5. Tim Harford (2007), *Khi nhà kinh tế học nằm vùng*, NXB Tri thức, Hà Nội.

## SUMMARY

We are living in two worlds: one characterized by social exchanges and the second one characterized by market exchanges. The education system is being influenced by 2 types of norms: educational norms and market norms. This article analyzed the confrontation of these norms.